

Số: 121 /TTr-UBND

Bình Phước, ngày 15 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ học sinh
người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn
tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2070/TTr-SGDĐT ngày 02/6/2025, Tờ trình số 2224/TTr-SGDĐT ngày 12/6/2025 và căn cứ kết quả cuộc họp UBND tỉnh ngày 05/6/2025 xem xét, thông qua các nội dung trình HĐND tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2025, ý kiến của các thành viên UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 05/6/2025,

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026; cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Hội nghị lần thứ Bảy, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc, về một số giải pháp xác định: “Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi; rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn chỉnh những chính sách đã có và nghiên cứu ban hành những chính sách mới, để đáp ứng yêu cầu phát triển các vùng dân tộc và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới”.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã nêu “...Tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và cơ chế tín dụng cho học sinh;...”.

- Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới nêu: “ ...4.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức Đảng về công tác dân tộc, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tình hình mới.... và ” ... 4.5. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Giữ vững và phát huy thành quả xoá mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở...”;

- Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa



XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, đã nêu: “...7. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo; ... ưu tiên đầu tư cho giáo dục, đào tạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo...”; “...trong lĩnh vực giáo dục; ưu tiên đầu tư cho giáo dục, đào tạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới,...”.

- Chương trình số 17-CT/TU ngày 30/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021-2026 và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025, về mục tiêu xác định: “thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa với đô thị”; về các nhiệm vụ chủ yếu (về nâng cao vai trò quản lý nhà nước, xây dựng các chính sách phù hợp, tác động tích cực vào phát triển): “Rà soát, sửa đổi, bổ sung những chính sách còn bất cập; xây dựng, hoàn thiện các chính sách phù hợp với những định hướng phát triển của tỉnh”; về phát triển văn hóa, xã hội, giáo dục... “... Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, khơi dậy ý thức tự lực, tự cường, vượt khó, thoát nghèo, làm chuyển biến rõ nét và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào; ...”(4) Chính sách hỗ trợ hộ nghèo kết hợp khuyến học thông qua việc vận động học sinh trong đồng bào dân tộc thiểu số đến lớp;...”;

- Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc quy định: “3. Quy định các điều kiện và biện pháp cụ thể, phù hợp để hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số”; Nghị định số 127/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 10/10/2021 của Chính phủ về công tác dân tộc tiếp tục quy định chính sách hỗ trợ cho học sinh người dân tộc thiểu số.

- Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

- Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; về nhiệm vụ đột phá, Nghị quyết quy định: “Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc, chính sách dân tộc; rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc”. Về phát triển nguồn nhân lực Nghị quyết xác định: “Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề đối với con em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”.

- Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định: “... Đảm bảo tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, trung học cơ sở trên 95%, trung học phổ thông trên 80%; phấn đấu duy trì chuẩn xóa mù chữ cho người có độ tuổi từ 15 - 60 tuổi trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi đạt từ 90% trở lên...” và “... Phấn đấu đảm bảo chỉ số phát triển con người là người dân tộc thiểu số thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt tối thiểu bằng mức bình quân chung của cả nước trở lên (tính theo chỉ số HDI do Ủy ban Dân tộc phối hợp với Tổng cục Thống kê công bố)...”.

2. Cơ sở thực tiễn

- Bình Phước là tỉnh có đông đồng bào các DTTS sinh sống. Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Phước có 58 xã/111 xã, phường, thị trấn của tỉnh là vùng đồng bào DTTS và miền núi, với 429 thôn, ấp là vùng đồng bào DTTS (trong đó còn 05 xã khu vực III, 03 xã khu vực II, 50 xã khu vực I, 25 thôn đặc biệt khó khăn). Những năm qua, Trung ương và địa phương đã rất quan tâm đến công tác dân tộc, đời sống vật chất lẫn tinh thần đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh ngày một nâng cao; song vẫn còn một bộ phận người dân DTTS trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn, ảnh hưởng đến việc học tập của học sinh người DTTS.

- Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 ban hành chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025, đã mang lại điều kiện học tập, sinh hoạt tốt hơn đối với học sinh là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, phù hợp với tình hình thực tế về chi phí học tập, sinh hoạt cho học sinh dân tộc thiểu số các cấp học giúp tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường, nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh.

- Theo Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát định kỳ hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025:

+ *Số hộ nghèo đầu năm 2024*: là 1.121 hộ, số hộ thoát nghèo trong năm 2024 là 728 hộ, trong đó có 379 hộ là đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), số hộ nghèo phát sinh là 190 hộ, số hộ tái nghèo: không.

+ *Số hộ nghèo cuối năm 2024 sau khi rà soát định kỳ là*: 583 hộ chiếm tỷ lệ 0,2% trên tổng số hộ dân, số hộ nghèo là đồng bào DTTS là 315 hộ chiếm tỷ lệ 54% trên tổng số hộ nghèo của toàn tỉnh, trong đó:

Số hộ nghèo ở Khu vực nông thôn: 565 hộ, chiếm tỷ lệ 0,28% trên tổng số hộ dân ở khu vực nông thôn.

Số hộ nghèo ở Khu vực thành thị: 18 hộ, chiếm tỷ lệ 0,02% trên tổng số hộ dân ở khu vực thành thị.

+ *Số hộ cận nghèo cuối năm 2024*: 1.748 hộ, chiếm tỷ lệ 0,61% trên tổng số hộ dân, trong đó:

Khu vực nông thôn: 1.549 hộ, chiếm tỷ lệ 0,78% trên tổng số hộ dân ở khu vực nông thôn.

Khu vực thành thị: 199 hộ, chiếm 0,22% trên tổng số hộ dân ở khu vực thành thị.

- Kết quả triển khai Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020, như sau:

Stt	Nội dung hỗ trợ	Số học sinh được hỗ trợ	Thành tiền
1	Kinh phí học tập (100.000đ/ tháng)	9.654	7.830.910.000
2	Sách giáo khoa	7.153	1.727.787.729
3	Vở viết	7.089	1.286.158.000
TỔNG CỘNG			10.844.855.729



- Dự kiến số lượng học sinh người DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo năm học 2025-2026 là: **1.229** học sinh.

- Để tiếp tục duy trì chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho học sinh nghèo đến trường và hạn chế tình trạng học sinh bỏ học vì khó khăn về kinh tế, góp phần giảm gánh nặng về kinh tế cho các gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo người dân tộc thiểu số, việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

- Ban hành chính sách phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế của tỉnh.
- Hỗ trợ, tạo điều kiện học tập tốt hơn cho học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo đến trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Đảm bảo tính pháp lý của chính sách.
- Duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo đồng bào dân tộc thiểu số; tạo điều kiện cho các em có cơ hội học tập tốt hơn nhằm nâng cao dân trí vùng đồng bào dân tộc.
- Hằng năm giảm thiểu tỷ lệ, số lượng học sinh dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo bỏ học. Góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số phục vụ cho công cuộc xây dựng phát triển đất nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Quá trình xây dựng Nghị quyết được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, cụ thể:

- Căn cứ các văn bản của Trung ương và đề xuất của Sở GD&ĐT, UBND tỉnh đã đề nghị và được HĐND tỉnh thống nhất tại cuộc họp liên tịch ngày 15/4/2025.

- UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết để trình HĐND tỉnh thông qua đúng quy định.

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng dự thảo Nghị quyết, gửi lấy kiến góp ý các sở, ban, ngành, địa phương, các đơn vị liên quan và của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; tiếp thu hoàn thiện dự thảo, gửi Sở Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 2070/TTr-SGDĐT ngày 02/6/2025.

- Ngày 05/6/2025, UBND tỉnh đã họp, xem xét thống nhất trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2025.

- Thực hiện Công văn số 2668/UBND-KGVX ngày 09/6/2025 của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp tục phối hợp với một số cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Ban Dân tộc HĐND tỉnh tại cuộc họp UBND tỉnh ngày 05/6/2025 để hoàn chỉnh nội dung tham mưu, trình UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết tại Tờ trình số 2224/SGDĐT-TTr ngày 12/6/2025 của Sở.



IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết gồm 02 phần: Phần căn cứ và phần nội dung.

- Phần căn cứ có 7 căn cứ.
- Phần nội dung gồm 4 điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026.

2. Đối tượng áp dụng

a) Học sinh là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và cư trú hợp pháp (tạm trú, thường trú) trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với học sinh đang theo học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Điều 2. Nội dung, định mức và thời điểm hỗ trợ

1. Hỗ trợ kinh phí học tập: Hỗ trợ 100.000 đồng/01 học sinh/tháng (ngoài mức hỗ trợ các chính sách của Chính phủ quy định); được hỗ trợ không quá 9 tháng/năm học, thời điểm hỗ trợ kinh phí vào tháng đầu tiên hàng quý.

2. Hỗ trợ sách giáo khoa và vở viết

a) Sách giáo khoa: Mỗi học sinh được hỗ trợ 01 (một) bộ sách giáo khoa theo chương trình quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và bộ tài liệu địa phương.

b) **Vở viết loại 100 trang/quyển: Học sinh tiểu học được hỗ trợ 20 quyển/học sinh/năm học; học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông được hỗ trợ 24 quyển/học sinh/năm học.**

3. Thời điểm hỗ trợ

a) Đối với học sinh đang theo học tại các trường: Hỗ trợ trước ngày khai giảng năm học hằng năm.

b) Đối với học sinh đầu cấp (lớp 1, lớp 6, lớp 10): Thời điểm xét duyệt học sinh đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ chính sách vào tháng 9 hằng năm; riêng nội dung hỗ trợ sách giáo khoa và vở viết tại khoản 2 Điều này, thì được thay bằng số tiền tương ứng theo giá tiền tại thời điểm xét duyệt.

Đối với học sinh khi gia đình đã thoát hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vẫn được hưởng đủ 9 tháng/năm học đang học đó.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.



Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa, kỳ họp thứ, thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày... tháng... năm 2025.”

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành văn bản

Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác; đảm bảo đúng theo quy định.

2. Thời gian trình thông qua văn bản: Thời gian trình thông qua Nghị quyết: Kỳ họp thường lệ giữa năm 2025 của HĐND tỉnh.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC: Không có

Trên đây là nội dung Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Kèm theo: Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Hồ sơ Tờ trình số 2070/TTr-SGDĐT ngày 02 tháng 6 năm 2025, Tờ trình số 2224/TTr-SGDĐT ngày 12/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo và 18 Phiếu ghi ý kiến đồng ý của 18 thành viên UBND tỉnh tại cuộc họp UBND tỉnh ngày 05 tháng 6 năm 2025)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh,
BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT, Tài chính, Tư pháp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, PVX (355/25).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền



Số: /2025/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025



NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số
thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước
từ năm học 2025-2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 127/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 10/10/2021 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày... tháng...năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND-BDT ngày ...tháng ... năm 2025 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026.

2. Đối tượng áp dụng

a) Học sinh là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và cư trú hợp pháp (tạm trú, thường trú) trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với học sinh đang theo học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Điều 2. Nội dung, định mức và thời điểm hỗ trợ

1. Hỗ trợ kinh phí học tập: Hỗ trợ 100.000 đồng/01 học sinh/tháng (ngoài mức hỗ trợ các chính sách của Chính phủ quy định); được hỗ trợ không quá 9 tháng/năm học, thời điểm hỗ trợ kinh phí vào tháng đầu tiên hàng quý.

2. Hỗ trợ sách giáo khoa và vở viết

a) Sách giáo khoa: Mỗi học sinh được hỗ trợ 01 (một) bộ sách giáo khoa theo chương trình quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và bộ tài liệu địa phương.

b) Vở viết loại 100 trang/quyển: Học sinh tiểu học được hỗ trợ 20 quyển/học sinh/năm học; học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông được hỗ trợ 24 quyển/học sinh/năm học.

3. Thời điểm hỗ trợ

a) Đối với học sinh đang theo học tại các trường: Hỗ trợ trước ngày khai giảng năm học hằng năm.

b) Đối với học sinh đầu cấp (lớp 1, lớp 6, lớp 10): Thời điểm xét duyệt học sinh đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ chính sách vào tháng 9 hằng năm; riêng nội dung hỗ trợ sách giáo khoa và vở viết tại khoản 2 Điều này, thì được thay bằng số tiền tương ứng theo giá tiền tại thời điểm xét duyệt.

Đối với học sinh khi gia đình đã thoát hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vẫn được hưởng đủ 9 tháng/năm học đang học đó.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa, kỳ họp thứ, thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày... tháng... năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ GD&ĐT, Bộ TP (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- TTTU, TT HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (đăng Công báo tỉnh);
- Lưu: VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VT (kèm TK355/25).

CHỦ TỊCH